

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ**  
**NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/TT-BTC ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ vào Quyết định số 5363/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng về việc giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ/CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Nghĩa Hưng giai đoạn 2022-2026;

Trường Mầm non Nghĩa Trung báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị năm 2025

**I. Đánh giá chung:**

Đơn vị đã thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Cụ thể: Tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, tiết kiệm chi nhưng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị và tăng cường sự giám sát của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 2025 đơn vị đã hoàn thành công việc và thực hiện xong dự toán ngân sách của năm 2025 theo đúng niên độ tài chính, lập đối chiếu dự toán ngân sách năm 2025 với kho bạc nhà nước khu vực VII đúng thời gian quy định.

**II. Đánh giá cụ thể:**

**1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:**

1.1. Về tổ chức bộ máy:

- Số phòng ban hiện có: 09 phòng. Cụ thể:

+ Phòng hiệu trưởng: 01

+ Phòng phó hiệu trưởng: 02

- + Phòng nhân viên: 01
- + Phòng y tế: 01
- + Văn phòng: 01 (tạm)
- + Nhà bếp: 01
- + Nhà bảo vệ: 01
- + Nhà kho: 01

## **1.2. Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:**

### **1.2.1 Về biên chế:**

- Tổng số biên chế được giao năm 2025 (Theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND huyện Nghĩa Hưng: 42 người. Trong đó:

- + Quản Lý: 03
- + Giáo viên: 38
- + Nhân viên: 01 kế toán

- Số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2025: 42 người. Trong đó:

- + Quản Lý: 03
- + Giáo viên: 38
- + Nhân viên: 01 kế toán

### **1.2.2. Về hợp đồng theo Nghị định 111/2022NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính Phủ:**

\* Năm học 2025-2026:

- Tổng số Hợp đồng theo Nghị định 111/2022NĐ-CP được giao (Theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND huyện Nghĩa Hưng: 02 người.

Trong đó:

- + Số Giáo viên Hợp đồng theo Nghị định 111/2022NĐ-CP: 02 người
- Số lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm 31/12/2025: 01 người. Trong đó:
- + Số Giáo viên Hợp đồng theo Nghị định 111/2022NĐ-CP: 01 người

### **1.3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:**

Ngay từ đầu năm, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng quy định được ban hành, đồng thời cũng là thực hiện công khai minh bạch các hoạt động thu chi; tạo quyền chủ động cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao, là cơ sở để thanh toán các khoản chi tiêu qua kho bạc nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị trước khi ban hành đều được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn.

Đơn vị đã bám sát vào hướng dẫn những nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các văn bản khác có liên quan,.... Nội dung các quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị tập trung vào một số khoản chi sau: Chế độ công tác phí, chi tiêu hội nghị, chi chuyên mô, chi tiếp khách, văn phòng phẩm dùng chung, điện thoại, điện, quy định về mua sắm sửa chữa tài sản, .....

#### **1.3.1 Việc thực hiện các chỉ tiêu về tài chính:**

- Mức thu sự nghiệp gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp: để chi trả tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho cá nhân người lao động và các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động thường xuyên trong đơn vị như: Tiền điện, nước sinh hoạt, văn phòng phẩm dùng chung, khoán văn phòng phẩm, công tác phí,..... tất cả các khoản chi đều được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Nguồn Học phí: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Để chi trả 1 phần tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho cá nhân người lao động và 1 phần các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động thường xuyên trong đơn vị.

### **1.3.2 Về chế độ chính sách hỗ trợ trợ kinh phí chi trả chế độ cho học sinh theo quy định:**

+ Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ công văn số 248/UBND-VP7 ngày 07/06/2024 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Nam Định về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025

Căn cứ công văn số 1360/UBND-GDĐT ngày 09/09/2024 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Nghĩa Hưng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025

Căn cứ nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ công văn số: 927/SGDĐT-TC ngày 25/09/2025 V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Năm 2025 đơn vị đã lập hồ sơ, dự toán kinh phí, và đã được cơ quan tài chính cấp trên cấp đầy đủ kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và đã chi trả kịp thời cho đúng đối tượng chính sách được hưởng.

## **2. Về giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị:**

- Đơn vị được cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên (Căn cứ vào Quyết định số 5363/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng về việc giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ/CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Nghĩa Hưng giai đoạn 2022-2026

### **3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị:**

**3.1. Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:**

#### **3.1.1. Nguồn Học phí:**

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và căn cứ nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Để chi trả 1 phần tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho cá nhân người lao động và 1 phần các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động thường xuyên trong đơn vị.

#### **3.1.2. Các khoản thu khác:**

##### **a. Thực hiện từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025:**

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ công văn số 248/UBND-VP7 ngày 07/06/2024 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Nam Định về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025

Căn cứ công văn số 1360/UBND-GDĐT ngày 09/09/2024 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Nghĩa Hưng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025

Căn cứ Công văn 1628/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2024 của Sở GDĐT Nam Định hướng dẫn thu học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

\* Các khoản thu theo quy định:

+ Thu học phí: 90.000đ/học sinh/tháng (học sinh thuộc diện cận nghèo giảm 50% mức học phí = 45.000đ/tháng/học sinh)

\* Các khoản thu thỏa thuận:

1.1. Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh - Mức thu: 18.000đ

1.2. Tiền nước uống cho học sinh - Mức thu: 10.000đ

1.3. Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú - Mức thu: 96.000đ

1.4. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú - Mức thu: 5.000đ

và ngoài giờ hành chính

1.5. Tiền ăn bán trú - Mức thu: 20.000đ

(Trong đó: + Vé ăn là 18.000đ/vé ăn, chất đốt 1.500đ/vé ăn, phụ phí 500đ/vé ăn)

1.6. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú - Mức thu: 300.000đ

## **b. Thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025:**

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Thực hiện công văn số 529/UBND-VHXXH ngày 02/10/2025 của UBND xã Nghĩa Hưng về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026

\* Các khoản thu theo quy định:

+ Thu học phí:

\* Các khoản thu thỏa thuận:

- |   |                     |
|---|---------------------|
| 1.1. Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh  | - Mức thu: 18.000đ  |
| 1.2. Tiền nước uống cho học sinh  | - Mức thu: 10.000đ  |
| 1.3. Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú                                    | - Mức thu: 100.000đ |
| 1.4. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính    | - Mức thu: 5.000đ   |
| 1.5. Tiền ăn bán trú  | - Mức thu: 22.000đ  |
| (Trong đó: + Vé ăn là 20.000đ/vé ăn, chất đốt 1.500đ/vé ăn, phụ phí 500đ/vé ăn) |                     |
| 1.6. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú                         | - Mức thu: 300.000đ |

### **3.1.3. Về nguồn thu, chi NSNN thường xuyên tự chủ và không tự chủ:**

\* Tổng kinh phí được giao tự chủ năm 2025: 7.520.518.000 đồng

- Kinh phí tự chủ đã thực hiện: 7.520.518.000 đồng.

- Số Kinh phí tự chủ không chi hết nộp lại ngân sách: 0 đồng

\* Kinh phí không thực hiện tự chủ được giao tiền thưởng Nghị Định 73/2027: 377.115.000 đồng

- Kinh phí không thực hiện tự chủ đã thực hiện: 377.115.000đồng

- Số kinh phí không tự chủ không chi hết nộp lại ngân sách: 0 đồng

\*. Chênh lệch thu-chi thường xuyên và không thường xuyên: 0 đồng

## **4. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:**

### **a/ Khó khăn, tồn tại:**

- Định mức chi thường xuyên bình quân /biên chế/năm còn thấp nên khi giá cả thị trường biến động tăng nên mặc dù đơn vị đã cố gắng tiết kiệm tối đa cũng chỉ đáp ứng được yêu cầu hoạt động chuyên môn. Trang thiết bị phục vụ học tập, đồ dùng đồ chơi còn thiếu nhiều, chưa đồng bộ, cơ sở vật chất xuống cấp, tài sản, nguồn kinh phí chi thường xuyên tại đơn vị quá ít, không đủ để mua sắm mới, nhiều hạng mục công trình còn xuống cấp đơn vị chưa có nguồn để sửa chữa,...

- Về cán bộ, công chức: Năm 2025 số giáo viên thực hiện vẫn thiếu so với quy định nên giáo viên phải kiêm nhiệm nhiều việc.

- Kinh phí hành chính giao tự chủ theo định mức chi thường xuyên còn eo hẹp, chỉ đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho hoạt động bình thường của cơ quan, nên trong thực tế

chưa cải thiện được thu nhập của cán bộ công chức, vì vậy không có tác dụng động viên, khuyến khích người lao động nhiệt tình, hăng say trong công việc.

**b/ Kiến nghị:**

Đề nghị các cơ quan xem xét điều chỉnh, bổ sung kinh phí chi thường xuyên như sau:

- Tăng định mức chi thường xuyên hàng năm tính trên đầu biên chế có tính đến sự thay đổi của chế độ, chính sách, chỉ số giá cả biến động hàng năm.

- Hỗ trợ nguồn kinh phí chi thường xuyên để mua sắm mới, sửa chữa nhiều hạng mục công trình xuống cấp của đơn vị...

Nhìn chung, năm 2025 đơn vị trường Mầm non Nghĩa Trung gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất nhưng đơn vị cũng có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2025 của đơn vị trường Mầm non Nghĩa Trung

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

(Ký tên)

Trần Thị Hạt

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG  
*Yêu Thị Duyên*

**TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA TRUNG****BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH  
NĂM 2025**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kế hoạch/Dự toán</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị</b>	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người	42	42	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	02	01	
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp</b>	Triệu đồng	6867,1062	6867,1062	
<b>III</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	Triệu đồng	10919,26236	10919,26236	
<b>A</b>	<b><i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i></b>	Triệu đồng	8137,0022	8137,0022	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	Triệu đồng	616,4842	616,4842	
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	Triệu đồng	616,4842	616,4842	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Triệu đồng	7520,518	7520,518	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
<b>IV</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	6867,1062	6867,1062	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	625,881	625,881	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng	307,355	307,355	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Triệu đồng	335,660	335,660	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
<b>V</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)</b>		0	0	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như</i>				

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kế hoạch/Dự toán</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	<i>nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<b>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</b>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/t háng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/t háng			
<b>B</b>	<b><i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên</i></b>				
1	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Triệu đồng	2782,26016	2782,26016	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên	Triệu đồng	377,115	377,115	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác	Triệu đồng	2405,14516	2405,14516	
<b>IV</b>	<b>Về vay vốn, huy động vốn</b>	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

*Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A. III (\*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký tên)

Trần Thị Hạt

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)